

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2020
V/v chị D xin ly hôn anh Th

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Vũ Đức Khang

- Th ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình - Th ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị D - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Đội 15, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Chu Văn Th - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Đội 15, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 03/3/2020 cũng như lời khai của chị Huỳnh Thị D trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Văn Th vào tháng 5/2010, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N Sau khi kết hôn, chị và anh Th chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không

được cải thiện và từ tháng 4/2019 đến nay chị và anh Th sống ly tH nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn nên chị xin được ly hôn anh Chu Văn Th. Về con chung giữa chị và anh Chu Văn Th có ba con chung là Chu Minh H sinh ngày 01/3/2011, Chu Thị Diễm Q sinh ngày 11/12/2013, Chu Thị Bảo H sinh ngày 24/3/2016. Hiện cháu H đang do chị nuôi dưỡng còn cháu H và cháu Q đang do anh Th nuôi dưỡng. Nay chị xin được nuôi dưỡng cháu H còn lại cháu H và cháu Q để anh Th nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Về tài sản chung giữa chị và anh Chu Văn Th thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị nhận nộp toàn bộ.

Tại phiên tòa hôm nay anh Chu Văn Th vắng mặt nhưng anh Th có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Th về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị D. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống và chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh thì anh có quan điểm là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ vì mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung giữa anh và chị Huỳnh Thị D có ba con chung là Chu Minh H sinh ngày 01/3/2011, Chu Thị Diễm Q sinh ngày 11/12/2013 và Chu Thị Bảo H sinh ngày 24/3/2016. Hiện anh đang nuôi cháu H và cháu Q còn cháu H đang do chị D nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Huỳnh Thị D thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh nhất trí việc chị D nhận nộp toàn bộ án phí. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nH và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th. Về con chung: Giao cháu Chu Thị Bảo H sinh ngày 24/3/2016 cho chị Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Minh H sinh ngày 01/3/2011 và Chu Thị Diễm Q sinh ngày 11/12/2013 cho anh Chu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Chu Văn Th. Về án phí, đề nghị Tòa án tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th đều cư trú tại xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, nay chị Huỳnh Thị D có đơn xin ly hôn anh Chu Văn Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Th vắng mặt nhưng anh Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th được tổ chức kết hôn vào tháng 5/2010, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị D và anh Th sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 4/2019 đến nay chị D và anh Th đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị D có đơn xin ly hôn anh Th nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Th xin đoàn tụ với lý do mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Th không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th có ba con chung là Chu Minh H sinh ngày 01/3/2011; Chu Thị Diễm Q sinh ngày 11/12/2013 và Chu Thị Bảo H sinh ngày 24/3/2016. Hiện anh Th đang nuôi dưỡng cháu H và cháu Q còn chị D đang nuôi dưỡng cháu H. Phía anh Th xin được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung và phía chị D xin được trực tiếp nuôi cháu H còn cháu H và cháu Q để anh Th nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Thấy chị D và anh Th đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung tốt, nên duy trì việc nuôi dưỡng như hiện tại và chấp nhận đề nghị của anh Th và chị D là không buộc chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Th là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Xử lý hôn giữa chị Huỳnh Thị D và anh Chu Văn Th.

[2] Về con chung: Giao cháu Chu Thị Bảo H sinh ngày 24/3/2016 cho chị Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Chu Thị Bảo H đang do chị Huỳnh Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Chu Minh H sinh ngày 01/3/2011 và Chu Thị Diễm Q sinh ngày 11/12/2013 cho anh Chu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Chu Minh H và Chu Thị Diễm Q đang do anh Chu Văn Th chăm sóc nuôi dưỡng). Chị Huỳnh Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Chu Văn Th. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Huỳnh Thị D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Huỳnh Thị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0000760 ngày 03/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Huỳnh Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

